

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST.

Ngày 21/6/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường và ông Nguyễn Công Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn Đ; địa chỉ: Thôn Hà T, xã Gio C, huyện Gio L, tỉnh QT - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q; cùng địa chỉ: Khu phố B, Phường D, thành phố ĐH, tỉnh QT - Bà Q có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Văn Đ trình bày:

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q có vay mượn của ông Đ số tiền 300.000.000 đồng, khi vay mượn ông N, bà Q hẹn đến ngày 05/10/2018 sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Đ. Nhưng từ khi cho vay mượn đến nay, ông Đ đã nhiều lần vào nhà gặp ông N, bà Q để đòi lại số tiền cho vay mượn thì ông N, bà Q chỉ hứa hẹn chứ không chịu trả lại số tiền đã vay mượn cho ông Đ.

Vì vậy, ông Hồ Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q phải trả lại cho ông Đ số tiền 300.000.000 đồng.

2. Tại bản trình bày ý kiến ngày 17/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Q trình bày:

Vào cuối năm 2017, ông Hồ Văn Đ có vào nhà bà Q ở số nhà 87 Lê Duẩn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị mua bia Sài Gòn, bỏ húc để bán lại cho các đại lý khác. Lúc này, ông Đ cứ vào chở hàng ở kho nhà bà Q ra bán cho các đại lý rồi lấy tiền vào trả cho bà Q.

Vào ngày 05/01/2018, ông Đ có chuyển vào số tài khoản (STK: 3900.205.283954) của bà Q ở Ngân hàng Nông nghiệp số tiền 250.000.000 đồng, lý do chuyển tiền là trước đó ông Đ có chở của bà Q 3 xe hàng trị giá hơn 300.000.000 đồng, nhưng chưa gửi tiền. Sau đó, ông Đ vào nhà đưa tiền cho bà Q và nói với bà Q là ông Đ vay mượn tiền ở ngoài để mua hàng hóa của bà Q, đồng thời nói với bà Q là nhờ hai vợ chồng viết cho ông Đ tờ giấy xác nhận mượn tiền để đưa về cho vợ ông Đ xem nên ông N, bà Q có xác nhận giấy mượn tiền. Việc mua bán hàng hóa, tiền bạc giữa bà Q với ông Đ thì ông N hoàn toàn không liên quan.

Từ cuối năm 2017 đến cuối năm 2019, ông Đ đã nộp đơn tố giác bà Q ở Công an tỉnh Quảng Trị, Công an tỉnh Quảng Trị đã thụ lý và bà Q đã nộp sổ gốc hàng hóa cũng như các giấy gốc cho cơ quan cảnh sát điều tra rồi. Nay bà Q đề kháng định việc mua bán hàng hóa, tiền bạc giữa bà Q với ông Đ hoàn toàn không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn N.

3. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N không có văn bản trình bày ý kiến gì và cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải.

4. Tại phiên tòa các đương sự thừa nhận như sau:

- Nguyên đơn ông Hồ Văn Đ thừa nhận: Ông có nhận số tiền bà Ngô Thị Q đã trả nợ là 170.000.000 đồng. Nhưng do vợ chồng bà Ngô Thị Q còn nợ tiền của ông tổng cộng là 1.300.000.000 đồng nên số tiền 170.000.000 đồng mà bà Q đã trả nợ được ông trừ vào số tiền mà vợ chồng bà Q còn nợ ông. Riêng số tiền 300.000.000 đồng mà ông khởi kiện, không liên quan đến khoản tiền 1.300.000.000 đồng mà vợ chồng ông N, bà Q còn nợ ông nên ông Đ yêu cầu vợ chồng bà Q phải trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018.

- Bị đơn bà Ngô Thị Q thừa nhận: Hiện bà Q còn nợ ông Đ gồm tiền mua bán hàng hóa cộng với khoản tiền 300.000.000 đồng mà ông Đ khởi kiện tổng cộng toàn bộ là 1.300.000.000 đồng. Do đó, nếu ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Q phải trả số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 thì yêu cầu ông Đ phải trừ số tiền 170.000.000 đồng ông Đ đã thừa nhận đã nhận, số tiền còn lại bà Q đồng ý trả cho ông Đ.

2. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của

pháp luật tổ tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Đ, buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q phải trả nợ cho ông Hồ Văn Đ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 05/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bị đơn, nhưng ông N không có văn bản trình ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục cấp, tổng đạt hợp lệ nhiều lần văn bản Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn Đ về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q phải trả nợ số tiền 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 05/01/2018, thấy rằng: Vào ngày 05/01/2018, ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q đã vay mượn của ông Hồ Văn Đ số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 05/10/2018 sẽ hoàn trả số tiền vay mượn cho ông Đ, khi vay mượn hai bên không có thỏa thuận gì về lãi suất cho vay. Tuy nhiên, sau khi vay mượn số tiền 300.000.000 đồng và đến hạn trả nợ, thì ông N, bà Q không chịu trả nợ cho ông Đ. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông N, bà Q phải trả nợ số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 05/01/2018 là có căn cứ.

Đối với việc bà Q cho rằng: Khoản nợ 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 chỉ là giấy ông Đ nhờ viết và hiện Công an tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết và ông N không liên quan gì. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án, vào ngày 14/12/2020 Tòa án đã có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị cho biết: Việc vay mượn tiền giữa ông Hồ Văn Đ với vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 có liên quan đến trách nhiệm hình sự mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị đã khởi tố để điều tra đối với bà Ngô Thị Q hay không, thì Công an tỉnh Quảng Trị cho biết: Không có vụ án nào liên quan đến Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 giữa ông Đ với vợ chồng ông N, bà Q. Do đó, việc bà Q cho rằng khoản nợ 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 hiện Công an tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết và ông N không liên quan gì là do bà

Q chỉ trình bày chứ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ngoài ra, bà Q còn cho rằng giấy mượn tiền chỉ là giấy viết nhờ là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Q thừa nhận rằng: Hiện bà Q còn nợ ông Đ gồm: Tiền mua bán hàng hóa cộng với khoản tiền 300.000.000 đồng mà ông Đ khởi kiện, tổng cộng toàn bộ là 1.300.000.000 đồng. Do đó, nếu ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Q phải trả số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 thì yêu cầu Tòa án trừ số tiền mà bà Q đã trả cho ông Đ là 170.000.000 đồng mà ông Đ đã thừa nhận tại phiên tòa, số tiền còn lại bà Q đồng ý trả nợ cho ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa tuy ông Đ thừa nhận có nhận của bà Q số tiền 170.000.000 đồng do bà Q đã trả nợ. Nhưng do ngoài số tiền 300.000.000 đồng mà ông Đ khởi kiện yêu cầu ông N, bà Q phải trả, thì bà Q còn nợ ông Đ số tiền rất lớn so với số tiền 170.000.000 đồng mà bà Q đã trả; cụ thể: Tại phiên tòa bà Q thừa nhận còn nợ ông Đ toàn bộ các khoản nợ với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng. Còn ông Đ cho rằng, số tiền 170.000.000 đồng mà ông Đ đã nhận do bà Q trả là do bà Q trả nợ cho số tiền mà ông N, bà Q còn nợ ông trên 01 (một) tỷ đồng và không liên quan đến khoản tiền theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018 mà ông khởi kiện. Do đó xét thấy, không có căn cứ để trừ số tiền 170.000.000 đồng vào số tiền 300.000.000 đồng mà ông N, bà Q còn nợ ông Đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2018.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn Đ, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q phải trả nợ cho ông Đ số tiền 300.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền 300.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng {300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng} theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, và 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn Đ, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q phải trả nợ cho ông Hồ Văn Đ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Về án phí:

+ Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Q phải chịu 15.000.000 đồng

(Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Hồ Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hồ Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000722 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DA.

Tạ Minh Khôi